

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19/4/2022.
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Lê Thị Ánh Sáng.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Đình Tất- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 689/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lương Huy Thanh S, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Tổ 8, ấp 3, xã An P, huyện Long T, tỉnh Đồng N.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Mỹ N, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Tổ 8, ấp 3, xã An P, huyện Long T, tỉnh Đồng N.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2021, bản tự khai ngày 04/01/2022 và các lời khai tiếp theo tại tòa, nguyên đơn anh Lương Huy Thanh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú N, huyện Định Q, tỉnh Đồng N ngày 23/4/2007. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến tháng 3/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác từ đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, có gây gổ, cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân nhưng vẫn ở chung tại căn nhà chung của vợ chồng, anh không quan tâm gì đến chị Nương. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu được ly hôn chị N.

Về con chung: Có 02 cháu.

- Lương Ngọc Bảo V, sinh ngày 01/11/2008.

- Lương Huy Anh V, sinh ngày 10/8/2013.

Hiện 02 cháu vẫn chung sống cùng vợ chồng. Nếu ly hôn anh đồng ý giao 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con 15.000.000 đồng/tháng cho 02 con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

+ *Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2021 và các lời khai tiếp theo tại tòa bị đơn chị Phạm Thị Mỹ N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S xây dựng gia đình với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú N, huyện Định Q, tỉnh Đồng N ngày 23/4/2007. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 3/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, anh S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị có khuyên ngăn nhưng anh S không nghe nên vợ chồng có gây gổ. Ngoài ra, vợ chồng không có mâu thuẫn gì khác và cũng không có ly thân nhau, vợ chồng vẫn ở chung tại căn nhà chung của vợ chồng, chị vẫn quan tâm đến anh S. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh S yêu cầu ly hôn chị không đồng ý.

Về con chung: Có 02 cháu.

- Lương Ngọc Bảo V, sinh ngày 01/11/2008.

- Lương Huy Anh V, sinh ngày 10/8/2013.

Hiện 02 cháu vẫn chung sống cùng vợ chồng. Nếu ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu anh S cấp dưỡng cho 02 con chung 15.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Anh S yêu cầu ly hôn, chị N không đồng ý ly hôn. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa anh S, chị N không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Do, anh S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng có gây gổ. Thời gian ly thân vợ chồng anh S, chị N vẫn chung sống cùng với nhau tại căn nhà chung của vợ chồng, chị N vẫn quan tâm đến anh S. Tại phiên tòa chị N xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị không đồng ý ly hôn. Xét, yêu cầu ly hôn

của nguyên đơn là không có căn cứ nên đề nghị xử bác đơn yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh S, chị N đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã An P, huyện Long T, tỉnh Đồng N. Anh S có đơn tranh chấp ly hôn với chị N. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh S, chị N kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Phú N, huyện Định Q, tỉnh Đồng N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/4/2007 là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống giữa anh S, chị N không có mâu thuẫn gì trầm trọng trong tình cảm vợ chồng, quan điểm sống vợ chồng vẫn hợp nhau. Nhưng do, anh S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng có gây gổ. Về thời gian vợ chồng anh S, chị N phát sinh mâu thuẫn từ tháng 3/2021 nhưng vẫn chung sống cùng với nhau tại căn nhà chung của vợ chồng, chị N vẫn quan tâm đến anh S. Tại phiên tòa chị N xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy điều kiện để anh S, chị N đoàn tụ tiếp tục chung sống với nhau là có cơ sở, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng, mục đích hôn nhân vẫn đạt được. Xét, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung.

- Lương Ngọc Bảo V, sinh ngày 01/11/2008.

- Lương Huy Anh V, sinh ngày 10/8/2013.

Do, yêu cầu tranh chấp ly hôn của nguyên đơn anh S không được chấp nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung. Vợ chồng anh S và chị N tiếp tục cùng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[5] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Anh Lương Huy Thanh S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lương Huy Thanh S đối với bị đơn chị Phạm Thị Mỹ N về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Về con chung: Có 02 con chung.

- Lương Ngọc Bảo V, sinh ngày 01/11/2008.

- Lương Huy Anh V, sinh ngày 10/8/2013.

Không xem xét, giải quyết. Vợ chồng anh S và chị N tiếp tục cùng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2- Án phí: Anh Lương Huy Thanh S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0005038 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3- Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận :

- Tòa án ND tỉnh Đồng N (1);
 - VKSND H. Long T (1);
 - Chi cục THADS H. Long T (1);
 - Các đương sự (2);
 - UBND xã Phú N, h. Định Q (1)
- Giấy CNKH số 65 ngày 23/4/2007;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng N (1);
 - Lưu (3).

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Cảnh

